



gōng sù rén

公诉人

noun · public prosecutor

Example Sentences

gōng sù rén zài fǎ tíng shàng xuān dú qǐ sù shū
公诉人在法庭上宣读起诉书。

The public prosecutor read the indictment in court.

Gōng sù rén yāo qiú fǎ yuàn yán chéng zuì fàn
公诉人要求法院严惩罪犯。

The public prosecutor demanded that the court severely punish the criminal.

Trace each character, then write the word on your own.

公	公	公	公	公	公	公						
诉	诉	诉	诉	诉	诉	诉	诉	诉	诉			
人	人	人	人	人								